

**CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI QUẢN LÝ DỰ ÁN
6 THÁNG NĂM 2024**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2023 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 647/QĐ-UBND ngày 21/11/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận, về việc giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính giai đoạn 2023 – 2025 đối với Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông;

Căn cứ Quyết định số 13/QĐ-UBND ngày 31/01/2024 của Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Ninh Thuận, về việc phê duyệt dự toán thu, chi quản lý dự án năm 2024

Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Ninh Thuận công khai tình hình thực hiện dự toán thu, chi quản lý dự án 6 tháng năm 2024 như sau:

DVT: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 6 tháng năm 2024	Ước thực hiện/ Dự toán năm 2024 (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
A	DỰ TOÁN THU				
I	Tổng số thu	6.131,35	4.562,27	100,00	100,00
1	Nguồn kinh phí năm trước chuyển sang	60,00	60,00		
2	Nguồn trích từ các dự án được giao quản lý	6.071,35	4.502,27		
-	Nguồn trích quản lý dự án	5.569,08	4.000,00		
-	Nguồn thu khác từ dự	502,27	502,27		

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 6 tháng năm 2024	Ước thực hiện/ Dự toán năm 2024 (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
	án được giao quản lý				
3	Dự án được bổ sung trong năm	-	-		
4	Nguồn thu từ hoạt động dịch vụ tư vấn (nếu có) bao gồm các khoản thuế phải nộp	-	-		
5	Nguồn thu hợp pháp khác	-	-		
II	Nguồn chuyển sang năm sau tiếp tục sử dụng	-			
III	Nguồn thu được sử dụng trong năm (III) = (I) – (II) = B	6.131,35	3.065,67		
B	DỰ TOÁN CHI				
I	Chi thường xuyên	6.131,35	1.935,94	31,57	102,48
1	Tiền lương	2.463,40	1.166,67	47,36	109,93
2	Tiền công	100,80	50,30	49,90	112,53
3	Các khoản phụ cấp lương	101,52	50,76	50,00	109,42
4	Các khoản trích nộp theo lương	558,11	285,33	51,13	113,84
5	Chi phí thuê chuyên gia	-	-	-	-
6	Chi khen thưởng và phúc lợi tập thể	100,00	-	-	-
7	Thanh toán dịch vụ công cộng	546,24	101,77	18,63	88,05
8	Chi mua vật tư văn phòng	186,23	37,87	20,33	296,76
9	Chi thanh toán thông tin, tuyên truyền	305,12	39,23	12,86	110,20
10	Chi hội nghị	64,40	-	-	-
11	Chi công tác phí	658,52	159,75	24,26	72,44
12	Chi thuê mướn		6,40	4,56	30,77

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 6 tháng năm 2024	Ước thực hiện/ Dự toán năm 2024 (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
		140,40			
13	Chi đi công tác nước ngoài	-	-	-	-
14	Chi đoàn vào	-	-	-	-
15	Khấu hao tài sản cố định	55,23	-	-	-
16	Chi sửa chữa thường xuyên tài sản	351,38	11,15	3,17	77,55
17	Chi phí khác (Trong đó kinh phí tổ chức cơ sở đảng là 24.526.424 đồng)	300,00	26,71	8,90	114,53
18	Dự phòng	200,00	-	-	-
II	Chi không thường xuyên	-	-	-	-

Nơi nhận *ka*

- UBND tỉnh (b/c);
- Trang web CQ;
- Bộ phân HC niêm yết công khai theo quy định tại TT 10/2005/TT-BTC.

GIÁM ĐỐC



Phạm Minh Tân